



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO VÀ DỊCH VỤ
GIAO THÔNG VẬN TẢI BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính

**Cho kỳ kế toán
từ ngày 05/12/2025 đến ngày 31/12/2025**

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đào tạo và Dịch vụ Giao thông vận tải Bình Định công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 05/12/2025 đến ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đào tạo và Dịch vụ Giao thông vận tải Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ Giao thông vận tải Bình Định theo Quyết định số 3870/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 và Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 24/05/2024 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4101677885 ngày 05/12/2025 của Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 107.300.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2025: 107.300.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Khu Phố 5, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Điện thoại: 0916721009
- Email: daotao@daotaogtvtbinhdinh.vn

Lĩnh vực kinh doanh chính

- Đào tạo lái xe mô tô các hạng A, A1; Đào tạo nghề lái xe hạng B, C1; Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng C1, C, D1, D2, D, CE;
- Liên kết đào tạo và bồi dưỡng các ngành nghề thuộc lĩnh vực giao thông vận tải;
- Cho thuê cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ sát hạch lái xe các hạng; Cho thuê xe thiết bị tập lái trong hình và đường trường;

Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 159 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- Ông Lê Văn Sinh - Chủ tịch HĐQT; Theo Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của UBND Tỉnh Gia Lai.
- Ông Nguyễn Thành Hiếu - Thành viên HĐQT; Theo Quyết định số 2744/QĐ- UBND ngày 25/11/2025 của UBND Tỉnh Gia Lai.
- Ông Trần Ngọc Tài - Thành viên HĐQT; Theo Quyết định số 2745/QĐ- UBND ngày 25/11/2025 của UBND Tỉnh Gia Lai.

Ban kiểm soát

- Bà Võ Thị Kim Lang - Trưởng ban Kiểm soát; được bổ nhiệm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/11/2025.
- Ông Đinh Công Hùng - Thành viên ban kiểm soát; được bổ nhiệm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/11/2025.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- | | | |
|-------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Thành Hiếu | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/12/2025 |
| • Ông Trần Ngọc Tài | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/12/2025 |
| • Bà Võ Thị Thu Trang | Phụ trách kế toán | Bổ nhiệm ngày 06/12/2025 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: 218 Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 05/12/2025 đến ngày 31/12/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Thành Hiếu

Gia Lai, ngày 28 tháng 04 năm 2026



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 709/2026/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đào tạo và Dịch vụ Giao thông vận tải Bình Định**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 20/04/2026 của Công ty Cổ phần Đào tạo và Dịch vụ Giao thông vận tải Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 05/12/2025 đến ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại thuyết minh 4.12 và số 18, doanh thu dịch vụ đào tạo và sát hạch lái xe được ghi nhận tại thời điểm các khóa học bắt đầu và trên cơ sở tiền thực thu. Theo quy định của Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, Công ty cần đánh giá mức độ hoàn thành của dịch vụ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán để ghi nhận doanh thu tương ứng.

Bên cạnh đó, chi phí khai thác hồ sơ, chi phí thuê xe được hạch toán vào cuối khóa học; lương giáo viên được ghi nhận theo tiền lương đã ứng hoặc phản ánh đầy đủ khi khóa học kết thúc thay vì phân bổ/trích trước tương ứng với mức độ hoàn thành dịch vụ trong kỳ.

Do hạn chế của việc không đánh giá mức độ hoàn thành của các khóa học nêu trên, kiểm toán viên không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với các chỉ tiêu doanh thu, giá vốn và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2. Tại ngày 31/12/2025, tiền thu trước của khách hàng cho các khóa học chưa diễn ra hiện được trình bày tại chỉ tiêu “Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn” là 1.363.101.917 đồng. Theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, khoản tiền trên cần được phản ánh tại khoản mục “Người mua trả tiền trước ngắn hạn”.
3. Công ty Cổ phần Đào tạo và Dịch vụ Giao thông vận tải Bình Định chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 05/12/2025. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này vẫn chưa có Quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm đơn vị sự nghiệp công lập chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần; việc bàn giao giữa đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi và Công ty Cổ phần vẫn chưa được thực hiện.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 05/12/2025 đến ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần. Không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ do trước thời điểm 05/12/2025, Công ty áp dụng Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp theo Thông tư 24/TT-BTC ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 04 năm 2026

Đỗ Thị Phụng Thủy - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2024-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	05/12/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.833.447.923	2.151.073.265
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		402.813.595	21.184.613
1. Tiền	111	5	402.813.595	21.184.613
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.245.644.618	1.956.464.232
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.244.948.786	1.955.768.400
2. Phải thu ngắn hạn khác	136		695.832	695.832
IV. Hàng tồn kho	140		169.656.762	173.424.420
1. Hàng tồn kho	141	7	169.656.762	173.424.420
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.332.948	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8.a	15.332.948	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		117.512.828.000	113.652.256.045
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		84.009.722.602	80.177.209.606
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	83.973.885.665	80.177.209.606
- Nguyên giá	222		84.676.534.887	80.177.209.606
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(702.649.222)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	35.836.937	-
- Nguyên giá	228		36.167.500	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(330.563)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33.503.105.398	33.475.046.439
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8.b	33.503.105.398	33.475.046.439
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		120.346.275.923	115.803.329.310

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	05/12/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.737.555.215	8.503.329.310
I. Nợ ngắn hạn	310		12.737.555.215	8.503.329.310
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	585.038.164	64.800.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.100.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	3.534.081.362	3.418.747.894
4. Phải trả người lao động	314		1.080.069.043	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	13.287.313	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14	1.363.101.917	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	4.856.877.416	5.019.781.416
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1.300.000.000	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		107.608.720.708	107.300.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	107.608.720.708	107.300.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	107.300.000.000	107.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		107.300.000.000	107.300.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	308.720.708	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		308.720.708	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		120.346.275.923	115.803.329.310



Giám đốc

Nguyễn Thành Hiếu

Gia Lai, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Phụ trách kế toán

Võ Thị Thu Trang

Người lập biểu

Võ Thị Thu Trang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán

từ ngày 05/12/2025 đến ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 05/12/2025 đến ngày 31/12/2025 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	4.082.897.670
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	43.379.630
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.039.518.040
4. Giá vốn hàng bán	11	20	2.786.537.616
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	20		1.252.980.424
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		38.243
7. Chi phí tài chính	22	21	4.997.261
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.997.261
8. Chi phí bán hàng	25		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	861.824.521
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		386.196.885
11. Thu nhập khác	31		-
12. Chi phí khác	32		296.000
13. Lợi nhuận khác	40		(296.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		385.900.885
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	77.180.177
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		308.720.708
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	29
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	24	29



Giám đốc

Nguyễn Thành Hiếu

Gia Lai, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Phụ trách kế toán

Võ Thị Thu Trang

Người lập biểu

Võ Thị Thu Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán

từ ngày 05/12/2025 đến ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Từ ngày 05/12/2025	
	Mã Thuyết số	đến ngày 31/12/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	385.900.885
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao Tài sản cố định	02	702.979.785
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	8 (38.243)
- Chi phí lãi vay	06	4.997.261
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.093.839.688
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(289.180.386)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.767.658
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.852.048.467
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(43.391.907)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.617.083.520
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(4.535.492.781)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9 38.243
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.535.454.538)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.300.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.300.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	381.628.982
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.184.613
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	402.813.595



Giám đốc

Nguyễn Thành Hiếu

Gia Lai, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Phụ trách kế toán

Võ Thị Thu Trang

Người lập biểu

Võ Thị Thu Trang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Đào tạo và Dịch vụ Giao thông vận tải Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ Giao thông vận tải Bình Định theo Quyết định số 3870/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 và Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 24/05/2024 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4101677885 ngày 05/12/2025 của Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Đào tạo lái xe mô tô các hạng A, A1; Đào tạo nghề lái xe hạng B, C1; Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng C1, C, D1, D2, D, CE;
- Liên kết đào tạo và bồi dưỡng các ngành nghề thuộc lĩnh vực giao thông vận tải;
- Cho thuê cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ sát hạch lái xe các hạng; Cho thuê xe thiết bị tập lái trong hình và đường trường;

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Riêng báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 05/12/2025 đến ngày 31/12/2025.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Tiền**

Tiền bao gồm: tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.4 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	3 - 10
Tài sản khác	3 - 5

4.5 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính.

Thời gian khấu hao TSCĐ vô hình tại công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho các khóa học chưa được tổ chức trong kỳ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận tại thời điểm thu được tiền cho các khóa học sẽ bắt đầu trong kỳ. Đối với số tiền thu cho các khóa học được tổ chức vào kỳ sau, Công ty ghi nhận vào khoản mục doanh thu chưa thực hiện.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận theo chi phí thực tế tại thời điểm phát sinh, đối với các khoản chi phí khai thác hồ sơ, chi phí thuê xe và chi phí tiền lương còn lại của giáo viên được ghi nhận tại thời điểm hoàn thành khóa học.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động đào tạo lái xe, các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành. Năm 2025, Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% đối với hoạt động đào tạo lái xe theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VNĐ

5. Tiền

	31/12/2025	05/12/2025
Tiền mặt	154.148.460	21.184.613
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	248.665.135	-
Cộng	<u>402.813.595</u>	<u>21.184.613</u>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	05/12/2025
Công an Tỉnh Gia Lai	2.244.948.786	1.955.768.400
Cộng	<u>2.244.948.786</u>	<u>1.955.768.400</u>

7. Hàng tồn kho

	31/12/2025		05/12/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	169.656.762		173.424.420	
Cộng	<u>169.656.762</u>	<u>-</u>	<u>173.424.420</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. Chi phí trả trước dài hạn****a. Ngắn hạn**

	31/12/2025	05/12/2025
Chi phí, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	15.332.948	-
Cộng	15.332.948	-

b. Dài hạn

	31/12/2025	05/12/2025
Tiền thuê đất chờ phân bổ (i)	13.914.958.819	13.940.775.069
Chi phí, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	396.660.563	408.704.904
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	179.525.208	-
Lợi thế quyền thuê đất (ii)	16.010.345.572	16.045.000.000
Lợi thế kinh doanh (iii)	2.994.995.175	3.080.566.466
Chi phí trả trước khác	6.620.061	-
Cộng	33.503.105.398	33.475.046.439

- (i) Thuê đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội – Khu A, Khu Kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn (nay là Xã Quy Nhơn Đông, Tỉnh Gia Lai), theo Hợp đồng thuê lại đất số 42/HĐ-TLQSDĐ ngày 10/12/2020, với diện tích đất thuê là 49.171 m², thời hạn thuê đến ngày 10/12/2070 (50 năm). Mục đích sử dụng đất thuê là xây dựng nhà làm việc và trung tâm sát hạch lái xe loại 1.
- (ii) Lợi thế quyền thuê đất được xác định khi cổ phần hóa là 16.045.000.000 đồng, Công ty thực hiện phân bổ đều theo thời gian thuê đất còn lại của hợp đồng thuê đất.
- (iii) Lợi thế kinh doanh được xác định khi cổ phần hóa là 3.080.566.466 đồng, Công ty thực hiện phân bổ đều trong 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	50.996.418.056	4.690.374.466	24.383.753.752	106.663.332	80.177.209.606
Tăng trong kỳ	-	4.499.325.281	-	-	4.499.325.281
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	50.996.418.056	9.189.699.747	24.383.753.752	106.663.332	84.676.534.887
Khấu hao					
Số đầu kỳ	-	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	222.508.497	62.770.935	415.015.633	2.354.157	702.649.222
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	222.508.497	62.770.935	415.015.633	2.354.157	702.649.222
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	50.996.418.056	4.690.374.466	24.383.753.752	106.663.332	80.177.209.606
Số cuối kỳ	50.773.909.559	9.126.928.812	23.968.738.119	104.309.175	83.973.885.665

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2025 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là.

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	-	-
Mua trong kỳ	36.167.500	36.167.500
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	36.167.500	36.167.500
Khấu hao		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	330.563	330.563
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	330.563	330.563
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	35.836.937	35.836.937

- Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2025.
- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	05/12/2025
Chi nhánh Công ty CP Dầu khí Bách khoa - Nhơn Hội	339.084.326	-
Công ty CP Thủy sản Hoài Nhơn	89.312.707	-
Các đối tượng khác	156.641.131	64.800.000
Cộng	585.038.164	64.800.000

12. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.901.887.035	38.153.291	-	1.940.040.326
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.063.794.685	77.180.177	-	1.140.974.862
Thuế thu nhập cá nhân	695.832	-	-	695.832
Phí và lệ phí	452.370.342	-	-	452.370.342
Cộng	3.418.747.894	115.333.468	-	3.534.081.362

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	05/12/2025
Lãi vay phải trả	4.997.261	-
Chi phí chưa có hóa đơn	8.290.052	-
Cộng	13.287.313	-

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2025	05/12/2025
Doanh thu nhận trước tiền học phí của học viên	1.363.101.917	-
Cộng	1.363.101.917	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	05/12/2025
Phải trả cổ phần hóa	114.322.996	114.322.996
Phải trả người lao động từ Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025	906.637.505	1.538.637.505
Chênh lệch vốn Nhà nước tăng thêm phải nộp Ngân sách nhà nước	3.366.820.915	3.366.820.915
Phải trả khác	469.096.000	-
Cộng	4.856.877.416	5.019.781.416

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn				
- Bà Hồ Thị Minh Tân	-	600.000.000	-	600.000.000
- Bà Võ Thị Kim Lang	-	300.000.000	-	300.000.000
- Bà Lương Lê Quyên	-	400.000.000	-	400.000.000
Cộng	-	1.300.000.000	-	1.300.000.000

Công ty vay các cá nhân theo các hợp đồng vay huy động vốn cụ thể để đầu tư mua sắm phương tiện phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 12%/năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 05/12/2025	107.300.000.000	-	107.300.000.000
Tăng trong kỳ	-	308.720.708	308.720.708
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	107.300.000.000	308.720.708	107.608.720.708

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	05/12/2025
UBND Tỉnh Gia Lai	99.142.000.000	99.142.000.000
Các cổ đông khác	8.158.000.000	8.158.000.000
Cộng	107.300.000.000	107.300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuậnTừ ngày 05/12/2025
đến ngày 31/12/2025**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Vốn góp đầu kỳ	107.300.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối kỳ	107.300.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	05/12/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.730.000	10.730.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.730.000	10.730.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.730.000	10.730.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.730.000	10.730.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phốiTừ ngày 05/12/2025
đến ngày 31/12/2025

Lợi nhuận năm trước chuyển sang	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	308.720.708
Phân phối lợi nhuận	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	308.720.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 05/12/2025
đến ngày 31/12/2025

Doanh thu dịch vụ đào tạo và sát hạch lái xe	4.082.897.670
Cộng	4.082.897.670

Doanh thu được ghi nhận theo cơ sở dòng tiền thực thu, cụ thể doanh thu chỉ được ghi nhận khi Công ty thu tiền từ người học có khóa học bắt đầu trong kỳ. Đối với các khóa học bắt đầu từ trước thời điểm kết thúc niên độ nhưng chưa hoàn thành trong kỳ. Công ty chưa điều chỉnh phân bổ doanh thu theo tỷ lệ hoàn thành ước tính để đảm bảo doanh thu được ghi nhận theo đúng kỳ.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Từ ngày 05/12/2025
đến ngày 31/12/2025

Hàng bán bị trả lại	43.379.630
Cộng	43.379.630

20. Giá vốn hàng bán

Từ ngày 05/12/2025
đến ngày 31/12/2025

Giá vốn dịch vụ đào tạo và sát hạch lái xe	2.786.537.616
Cộng	2.786.537.616

21. Chi phí tài chính

Từ ngày 05/12/2025
đến ngày 31/12/2025

Chi phí lãi vay	4.997.261
Cộng	4.997.261

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Chi phí quản lý doanh nghiệpTừ ngày 05/12/2025
đến ngày 31/12/2025

Chi phí nhân viên	555.919.594
Chi phí khấu hao TSCĐ	46.105.744
Phân bổ lợi thế kinh doanh	120.225.719
Chi phí khác	139.573.464
Cộng	861.824.521

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hànhTừ ngày 05/12/2025
đến ngày 31/12/2025

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	385.900.885
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	-
- Điều chỉnh tăng	-
- Điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập chịu thuế	385.900.885
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	77.180.177

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	77.180.177
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-

24. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếuTừ ngày 05/12/2025
đến ngày 31/12/2025

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	308.720.708
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-
- Điều chỉnh tăng	-
- Điều chỉnh giảm	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	308.720.708
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.730.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	29

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Từ ngày 05/12/2025
đến ngày 31/12/2025

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.767.658
Chi phí nhân công	1.523.657.576
Chi phí khấu hao tài sản cố định	702.979.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.311.955.286
Chi phí khác bằng tiền	106.001.832
Cộng	3.648.362.137

26. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

a. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chủ yếu mua nhiên liệu, công cụ dụng cụ, dịch vụ từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động kinh doanh do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Tuy nhiên, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động, các nguyên vật liệu này thường sử dụng trực tiếp hoặc trong thời gian ngắn kể từ khi mua nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty là Công an Tỉnh Gia Lai và cá nhân. Với đặc thù kinh doanh thu tiền trước khi cung cấp dịch vụ, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2025</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	585.038.164	-	585.038.164
Chi phí phải trả	13.287.313	-	13.287.313
Vay và nợ thuê tài chính	1.300.000.000	-	1.300.000.000
Phải trả khác	4.856.877.416	-	4.856.877.416
Cộng	6.755.202.893	-	6.755.202.893
<u>05/12/2025</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	64.800.000	-	64.800.000
Phải trả khác	5.019.781.416	-	5.019.781.416
Cộng	5.084.581.416	-	5.084.581.416

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hiện có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2025</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	402.813.595	-	402.813.595
Phải thu khách hàng	2.244.948.786	-	2.244.948.786
Phải thu khác	695.832	-	695.832
Cộng	2.648.458.213	-	2.648.458.213
<u>05/12/2025</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.184.613	-	21.184.613
Phải thu khách hàng	1.955.768.400	-	1.955.768.400
Phải thu khác	695.832	-	695.832
Cộng	1.977.648.845	-	1.977.648.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Võ Thị Kim Lang	Trưởng Ban kiểm soát

b. Số dư với các bên liên quan

	Khoản mục	31/12/2025	05/12/2025
Bà Võ Thị Kim Lang	Vay và nợ thuê tài chính	300.000.000	-

c. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

	Giao dịch	Từ ngày 05/12/2025 đến ngày 31/12/2025
Bà Võ Thị Kim Lang	Vay	300.000.000
	Lãi vay	1.183.562

d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Thu nhập	Từ ngày 05/12/2025 đến ngày 31/12/2025
Lê Văn Sinh	Chủ tịch HĐQT	Lương, thù lao	31.433.333
Nguyễn Thành Hiếu	Thành viên HĐQT, Giám đốc	Lương	18.454.167
		Thù lao	5.000.000
Trần Ngọc Tài	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	Lương	15.050.000
		Thù lao	5.000.000
Võ Thị Kim Lang	Trưởng Ban kiểm soát	Lương, thù lao	26.333.333
Đình Công Hùng	Thành viên BKS	Thù lao	5.000.000
Võ Thị Thu Trang	Phụ trách kế toán	Lương	14.533.333

28. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần. Không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ do trước thời điểm 05/12/2025, Công ty áp dụng Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp theo Thông tư 24/TT-BTC ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính.



Giám đốc

Nguyễn Thành Hiếu

Gia Lai, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Phụ trách kế toán

Võ Thị Thu Trang

Người lập biểu

Võ Thị Thu Trang

